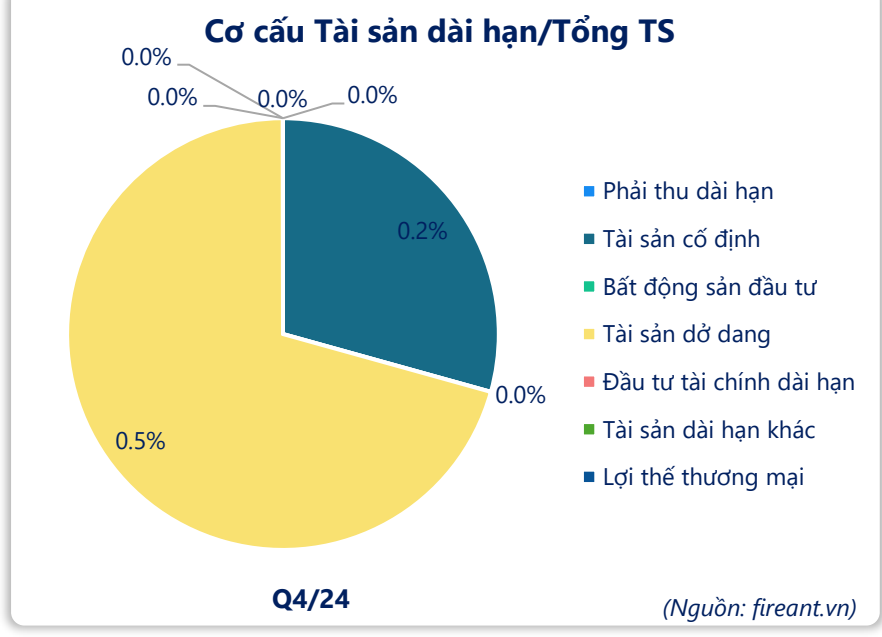
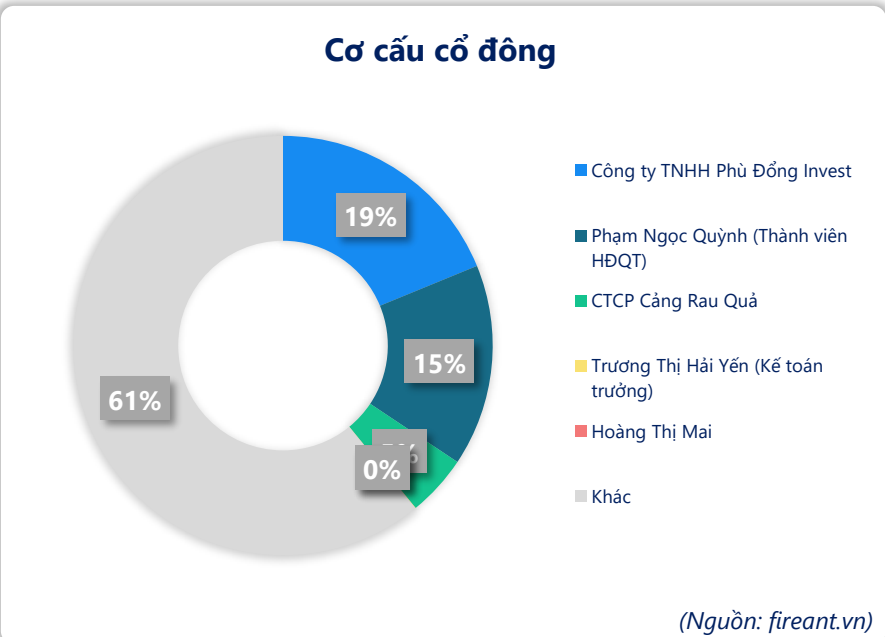
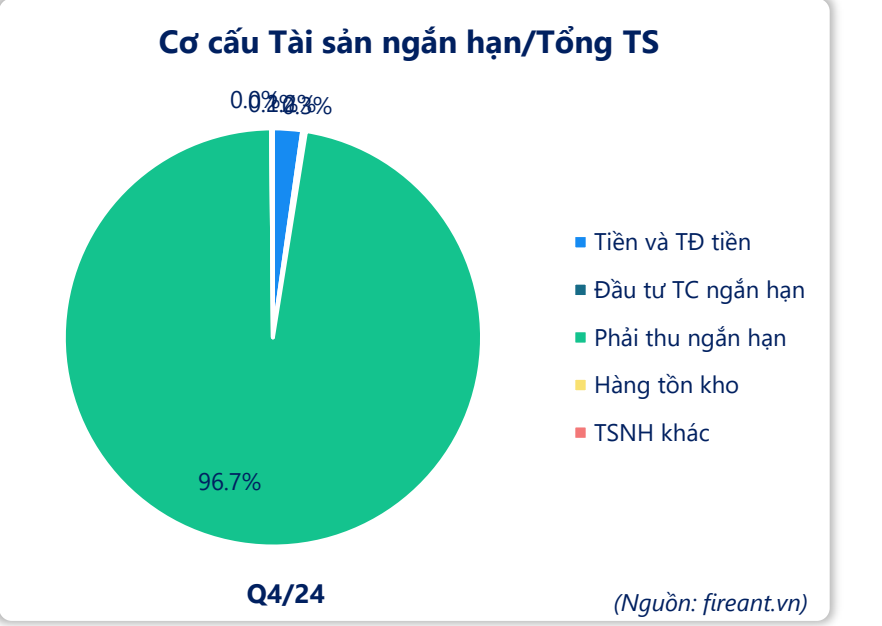
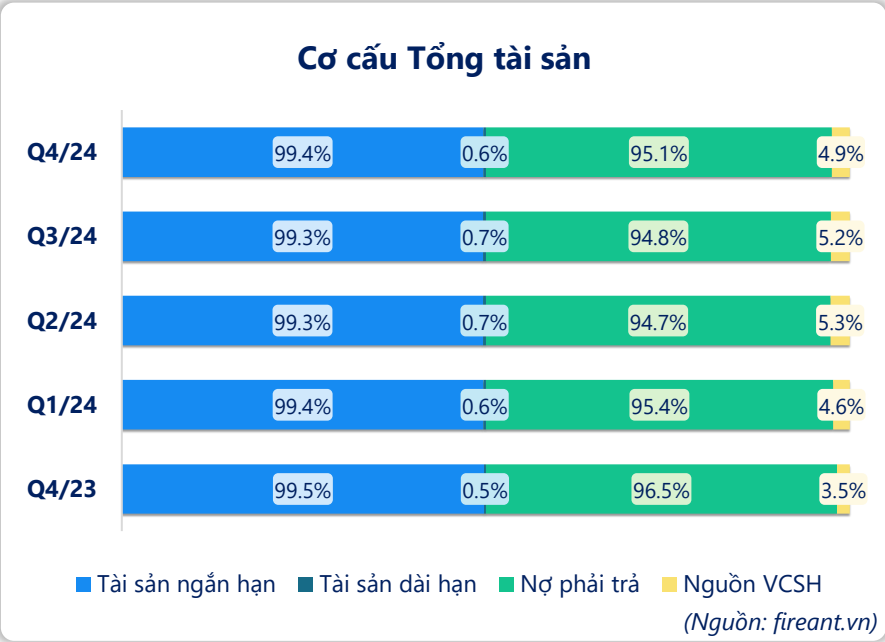
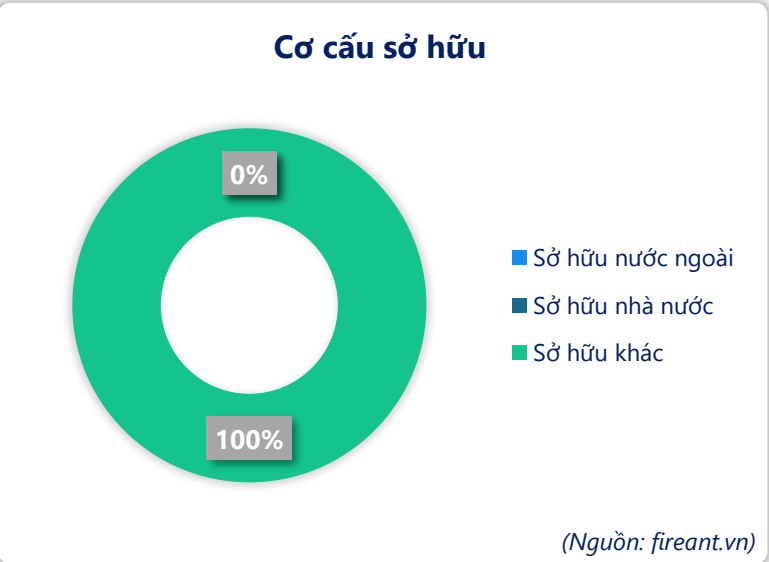
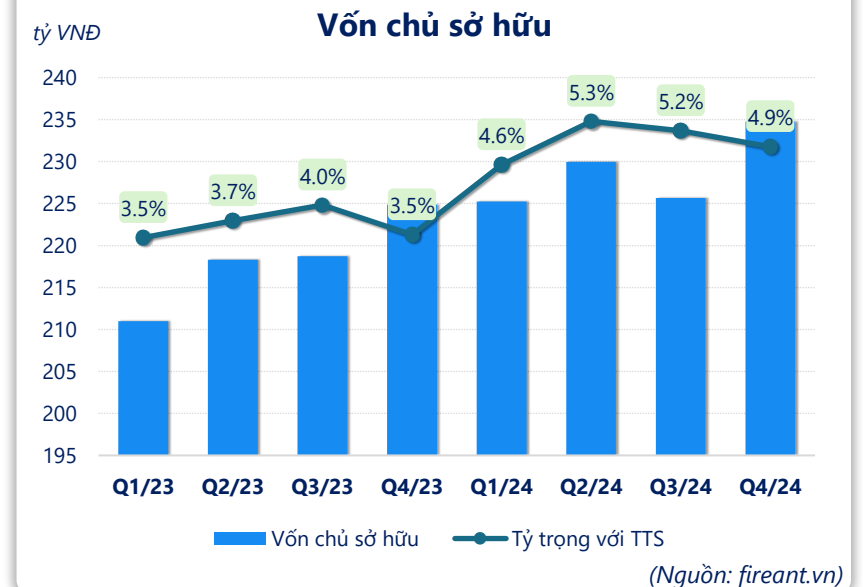
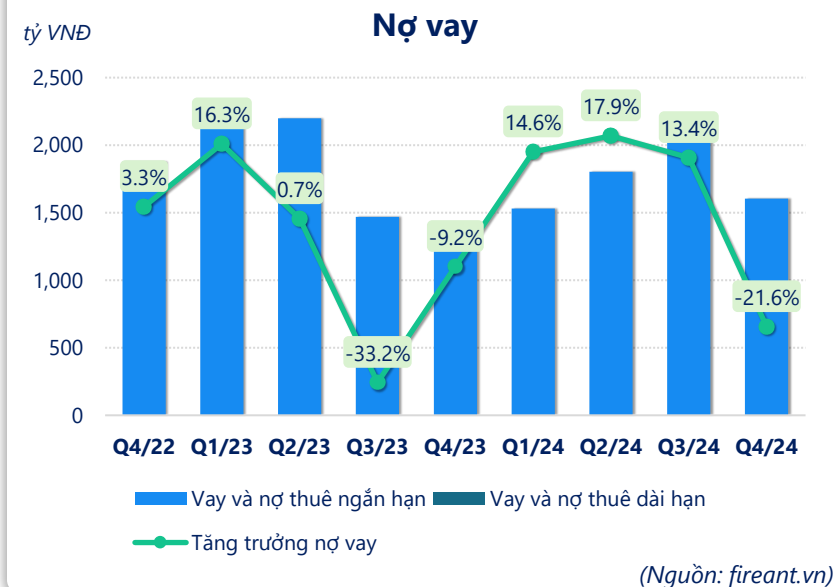
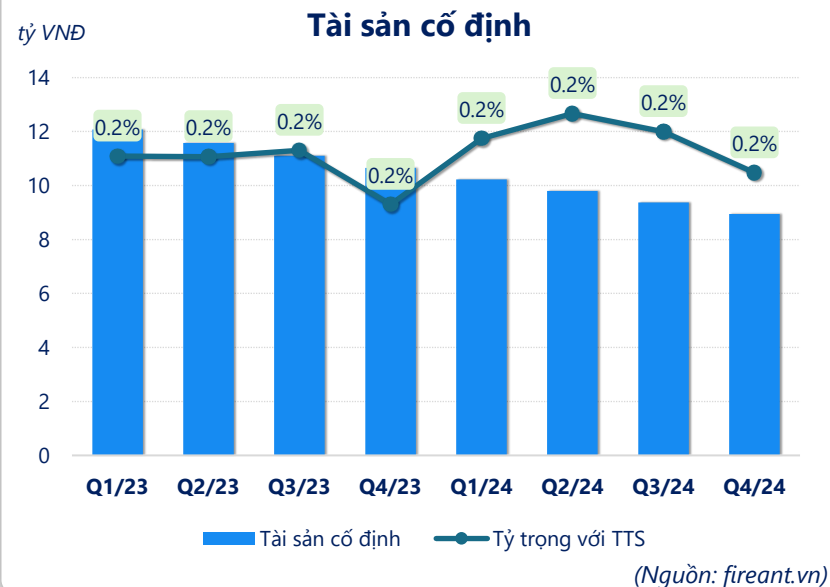
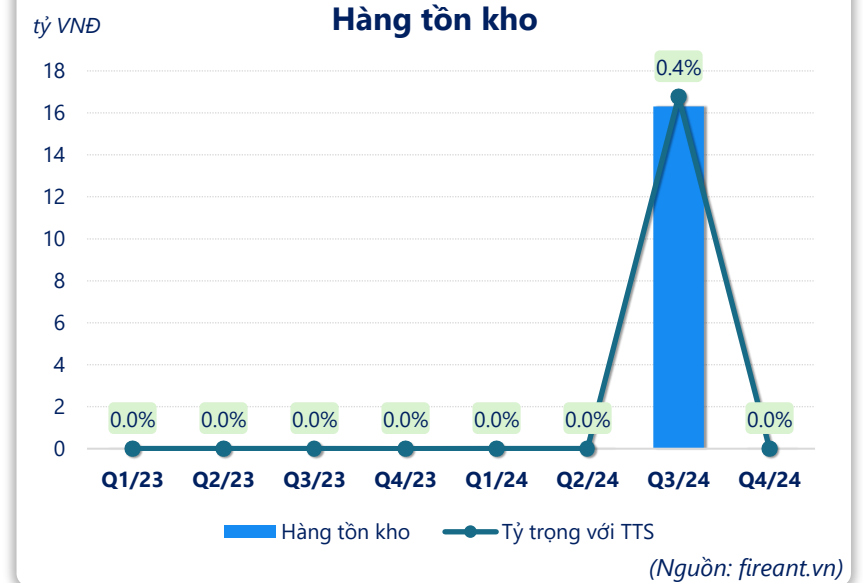
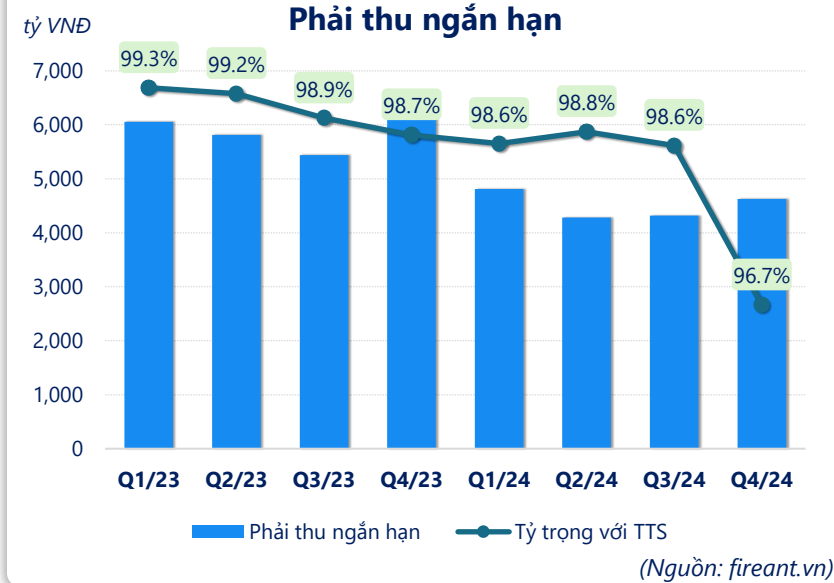
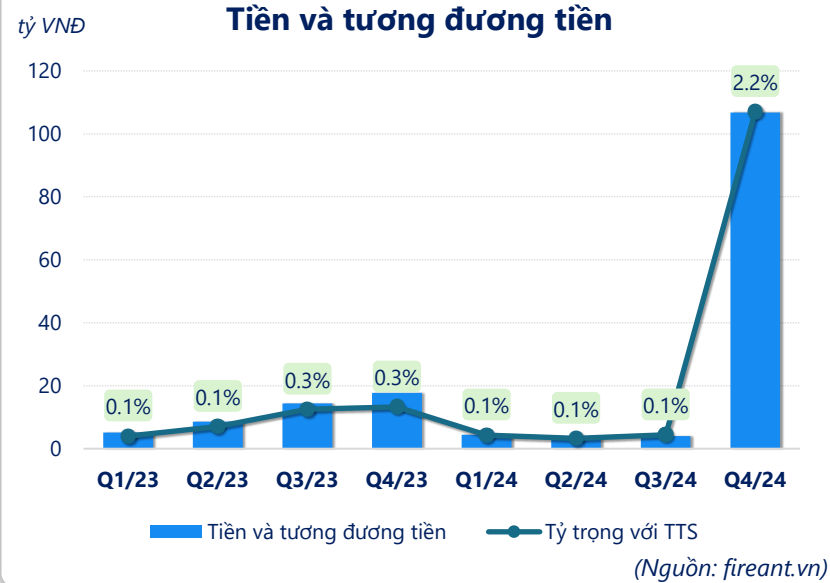
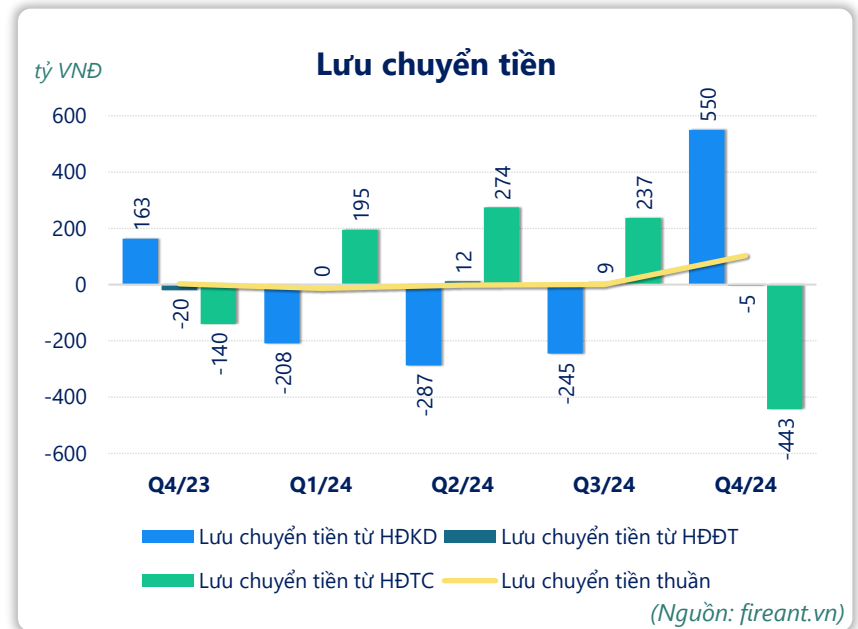
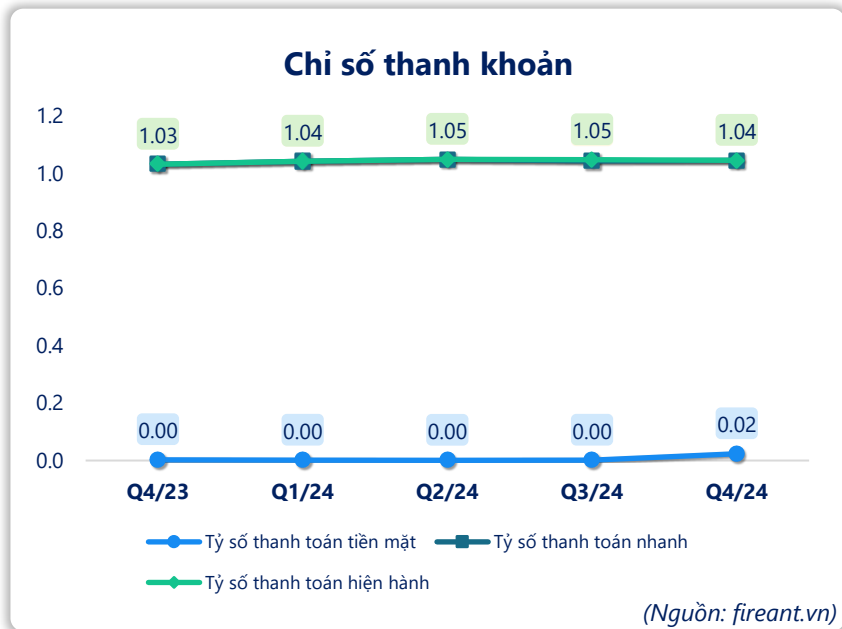
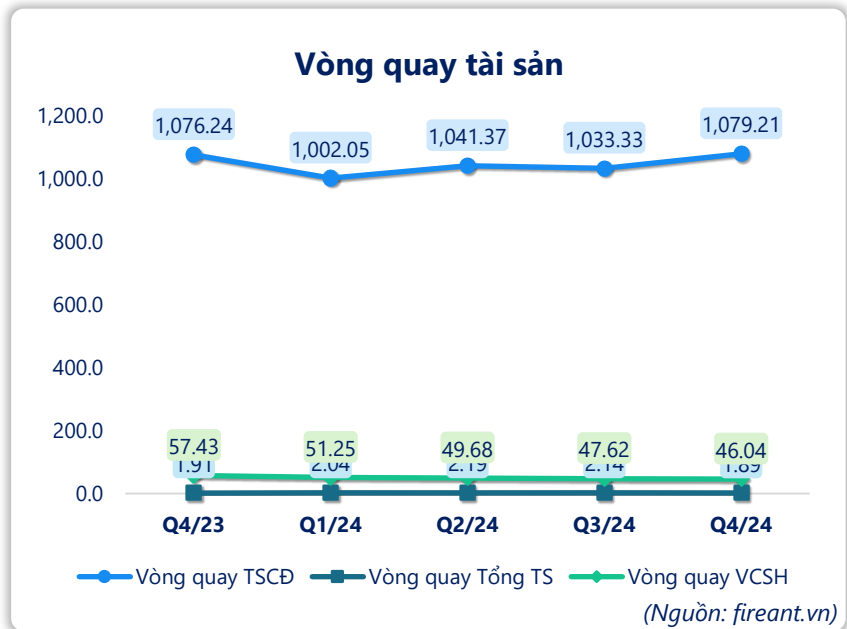
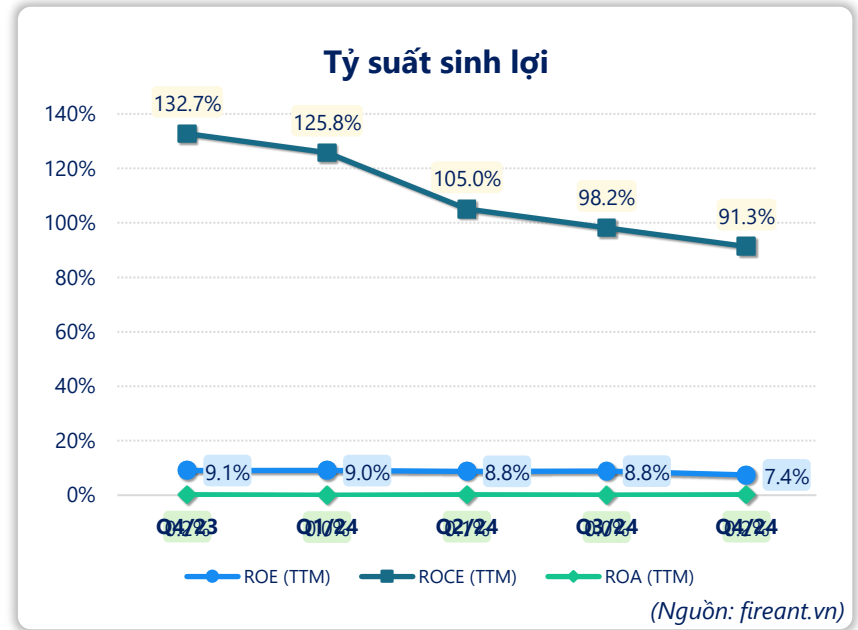
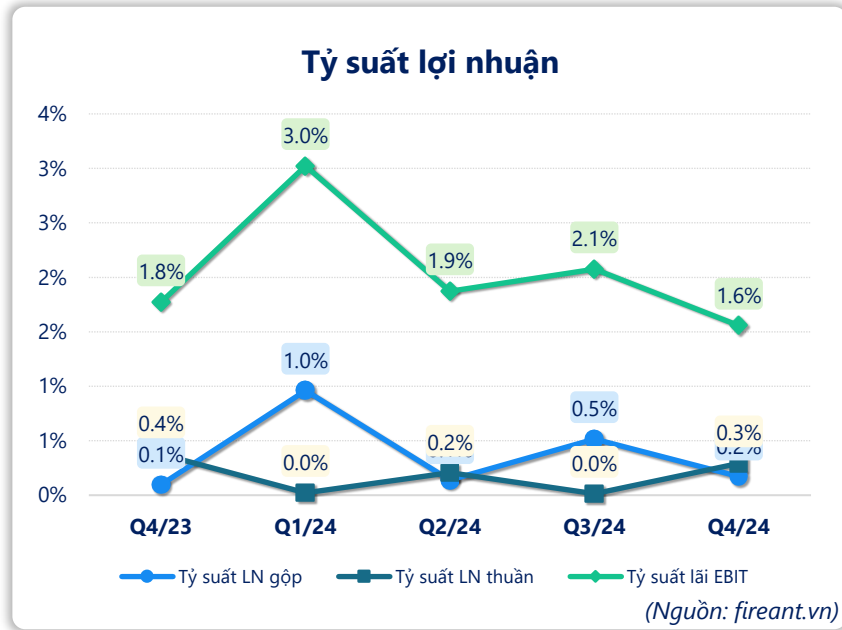
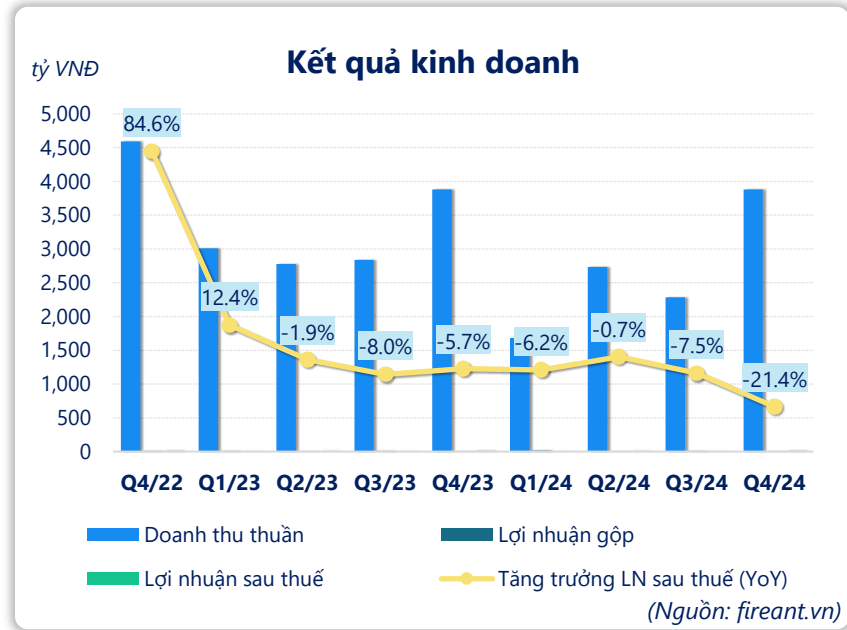


Thông tin giao dịch		31/12/2024
Giá hiện tại (VNĐ)		32,000
Cao nhất 52 tuần (VNĐ)		33,400
Thấp nhất 52 tuần (VNĐ)		23,295
SL cổ phiếu LH		7,825,922
KLGD BQ 20 phiên (CP)		55,110
% sở hữu nước ngoài		0.0%
Vốn điều lệ (tỷ VNĐ)		
Vốn hóa (tỷ VNĐ)		250
P/E		14.6
EPS		2,185

	YTD	1T	3T	6T
VGP		-0.9%	7.4%	11.2%
VNINDEX		2.1%	-0.2%	-1.3%







CÂN ĐỐI KẾ TOÁN (tỷ VNĐ)	Tại ngày 31/12/2024	Tại ngày 31/12/2023	Thay đổi
Tổng tài sản	4,787	6,418	-25.4%
Tài sản ngắn hạn	4,757	6,385	-25.5%
Tiền và tương đương tiền	107	17.7	504%
Đầu tư tài chính ngắn hạn	13.7	28.7	-52.3%
Phải thu ngắn hạn	4,630	6,337	-26.9%
Hàng tồn kho	0.00	0.00	-15.2%
Tài sản ngắn hạn khác	6.42	2.39	168%
Tài sản dài hạn	30.5	32.1	-5.0%
Phải thu dài hạn	0	0	
Tài sản cố định	8.95	10.7	-16.0%
Bất động sản đầu tư	0	0	
Tài sản dở dang	21.6	21.5	0.5%
Đầu tư tài chính dài hạn	0	0	
Tài sản dài hạn khác	0.00	0.00	-39.9%
Lợi thế thương mại	0	0	
Nợ phải trả	4,553	6,195	-26.5%
Nợ ngắn hạn	4,553	6,195	-26.5%
Vay và nợ thuê ngắn hạn	1,603	1,335	20.1%
Phải trả người bán ngắn hạn	2,525	4,241	-40.5%
Nợ dài hạn	0	0	
Vay và nợ thuê dài hạn	0	0	
Nguồn vốn chủ sở hữu	235	222	5.6%
Vốn chủ sở hữu	235	213	10.0%
Vốn điều lệ	82.1	82.1	0.0%
Kinh phí và quỹ khác	0	8.99	-100%

(Nguồn: fireant.vn)

KẾT QUẢ KINH DOANH (tỷ VNĐ)	Q4/23	Q1/24	Q2/24	Q3/24	Q4/24
Doanh thu thuần	3,880	1,682	2,735	2,284	3,880
Giá vốn hàng bán	3,877	1,666	2,731	2,272	3,873
Lợi nhuận gộp	3.75	16.2	3.81	11.8	6.69
Doanh thu HĐTC	163	77.5	111	71.6	110
Chi phí TC	149	91.3	106	80.6	102
Chi phí lãi vay	54.1	50.4	42.1	46.9	49.0
LN trong công ty LKLD	0	0	0	0	0
Chi phí bán hàng	1.36	0.95	1.19	1.19	0.94
Chi phí QLDN	1.99	1.02	1.45	1.29	1.76
LN thuần từ HĐKD	14.6	0.37	5.66	0.31	11.4
Lợi nhuận khác	0.04	0.07	3.41	0.19	0.07
LN trước thuế	14.6	0.44	9.07	0.51	11.5
Lợi nhuận sau thuế	11.6	0.35	7.26	0.41	9.08
LNST của CĐ cty mẹ	11.6	0.35	7.26	0.41	9.08

(Nguồn: fireant.vn)

LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ (tỷ VNĐ)	Q4/23	Q1/24	Q2/24	Q3/24	Q4/24
Lưu chuyển tiền từ HĐKD	163	-208	-287	-245	550
Lưu chuyển tiền từ HĐĐT	-20.1	0.24	11.6	8.62	-4.53
Lưu chuyển tiền từ HĐTC	-140	195	274	237	-443
Tiền đầu kỳ	14.4	17.7	4.42	2.97	3.99
Lưu chuyển tiền thuần	3.33	-13.3	-1.45	1.02	103
Ảnh hưởng tỷ giá	0	0	0	0	0
Tiền cuối kỳ	17.7	4.42	2.97	3.99	107

(Nguồn: fireant.vn)